

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HSST
Ngày 30/6/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Hòa.
2. Bà Đồng Thị Nhung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 07/6/2017 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 26/9/1987.

Nơi sinh: Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12 PT.

Con ông: Trần Ngọc T - Sinh 1956 bà Hoàng Thị O - sinh 1965.

Vợ: Vàng Thị Thu H - sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 17/3/2017 đến ngày 23/3/2017; Tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

1- Chị Vì Thị H - sinh năm: 1988.

Nơi ĐKKHKT: phường M, thành phố Đ.

Chỗ ở hiện nay: thị trấn Đ, huyện Đ. Có mặt.

2- Chị Lưu Thị L - sinh năm: 1987.

Nơi ĐKHKTT: xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Anh Trần Anh T, sinh ngày 20/5/1993.

Trú quán: Bản S, xã P, huyện Đ. Có mặt.

2- Anh Đào Trọng N, sinh ngày 27/11/1989.

Trú quán: phường M thành phố Đ. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Ngọc T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/02/2017, Trần Ngọc T một mình đi xe máy biển kiểm soát 27U1 - 07166 của gia đình đến khu vực tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ thì để xe máy ven đường rồi đi bộ theo đường mòn bờ ruộng phía sau Trung tâm Y tế huyện Đ đến khu nhà trọ cạnh Trung tâm y tế huyện. T quan sát xung quanh không có ai, T đi đến 01 phòng cuối cùng của dãy nhà trọ nhìn thấy 01chùm chìa khóa (có 03 chìa) để ở trên cửa sổ. T lấy chìa khóa mở các ổ khóa của dãy nhà trọ nhưng chỉ mở được một phòng rồi đi vào phòng đó thì nhìn thấy 01 chiếc túi ba lô màu xanh, đen trên giường. Kiểm tra bên trong túi có 01 chiếc ví màu hồng, trong ví có 700.000VNĐ và 04 tờ tiền ngoại tệ, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vì Thị H, 01 máy tính bảng nhãn hiệu SamSung Galaxy Tab3. T lấy hết số tiền Việt Nam, 04 tờ tiền ngoại tệ, 01 máy tính bảng cho vào túi quần đang mặc trên người rồi đi ra khỏi phòng, khóa cửa lại. T tiếp tục dùng chìa khóa mở phòng trọ cuối cùng nhưng không mở được, nhìn xung quanh thấy một con dao chắt củi để gần cửa, T nhặt lấy con dao cạy khóa cửa bung ra rồi vào phòng nhìn thấy chiếc túi màu nâu, T cầm lấy đi ra ngoài rồi khép cửa lại và đi ra chỗ để xe máy về theo hướng thị trấn Đ, đi được khoảng 700m thấy đường vắng người, T dừng xe kiểm tra bên trong túi có một tập hóa đơn và 8.700.000VNĐ. T cầm tập hóa đơn quay lại phòng trọ trả lại, rồi cầm toàn bộ số tài sản trộm cắp được đi lên bản C, xã K, huyện Đ cùng với Trần Anh T, Đào Trọng N đếm và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 17/3/2017, Trần Ngọc T đến cơ quan CSĐT công an huyện Đ tự thú về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 20/3/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự kết luận 01 máy tính bảng đã qua sử dụng nhãn hiệu SamSung Galaxy Tab 3 do Trần Ngọc T trộm cắp trị giá 1.170.000VNĐ.

Ngày 26/4/2017 cơ quan CSĐT công an huyện Đ ra công văn yêu cầu quy đổi số tiền ngoại tệ, T trộm cắp được gồm: 4 USD = 88.928 VNĐ; 5 AUD = 85.270 VNĐ; 5.000 LAK = 1.355.000 VNĐ; Tổng giá trị ngoại tệ do Trần Ngọc T trộm cắp quy đổi ra tiền Việt Nam là: 1.529.198 VNĐ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản do bị cáo Trần Ngọc T trộm cắp của cả hai người bị hại là: 12.099.198VNĐ.

Tại bản Cáo trạng số: 26/QĐ-VKS-HS ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố Trần Ngọc T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ngọc T cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; Các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 41 của BLHS và Điều 76 của BLTTHS xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, những người bị hại, người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

XÉT THẤY:

Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể: Khoảng 12 giờ ngày 24/02/2017, bị cáo Trần Ngọc T đã đến phòng trọ của chị Lưu Thị L và Vi Thị H tại tổ 2, thị trấn huyện Đ, huyện Đ cạnh Trung tâm y tế huyện rồi lén lút phá khóa đột nhập vào phòng trọ của chị H lấy trộm 700.000VNĐ, 4 tờ tiền ngoại tệ và 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Tab 3 màu đen. Tổng số tiền mà bị cáo T trộm cắp của chị H tính cả quy đổi tiền ngoại tệ là: 3.399.198VNĐ. Và lấy trộm tiền của chị L là 8.700.000VNĐ. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt của hai người bị hại là: 12.099.198VNĐ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Viện kiểm sát huyện Đ truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và Tòa án đưa bị cáo ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Ngọc T đã có hành vi “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo tuy chỉ mang tính chất giản đơn, ít nghiêm trọng nhưng là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo luôn nhận thức được rằng hành vi đó bị Nhà nước nghiêm cấm nếu bị phát

hiện sẽ bị xử lý nghiêm minh, bị xã hội lên án. Tuy nhiên, chỉ vì lợi ích cá nhân bị cáo đã bất chấp tất cả, coi thường kỷ cương phép nước, miễn sao có lợi cho cá nhân bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Xét về nhân thân: Bị cáo sinh ra lớn lên được bố mẹ nuôi dưỡng trưởng thành học hết lớp 12/12 PT rồi đi học kế toán tại trường Thương Mại, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2015, lấy vợ làm ăn sinh sống tại tổ 29, phường Mường T, thành phố Điện Biên Phủ. Ngày 11/11/2004, có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy bị Công an huyện Đ lập hồ sơ xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền. Ngày 26/12/2013, có hành vi trộm cắp tài sản bị Công an thành phố Điện Biên Phủ lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền. Ngày 15/3/2014, trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 09 tháng tù. Ngày 13/02/2015, ra tù trở về địa phương. Ngày 24/02/2017, có hành vi trộm cắp tài sản tổng giá trị là: 12.099.198VNĐ. Ngày 17/3/2017, Trần Ngọc T ra đầu thú. Ngày 23/3/2017 bị Cơ quan CSĐT huyện Đ khởi tố và ra lệnh tạm giam về tội Trộm cắp tài sản.

Lẽ ra, sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính nhiều lần và sau khi mãn hạn tù trở về địa phương bị cáo phải lấy thời gian giáo dục, cải tạo trong trại cải tạo làm bài học, sửa chữa lỗi lầm của mình mới phải. Song, bị cáo lại không làm được như vậy, mà chỉ thích ăn chơi đua đòi, lười lao động, không tu chí làm ăn chân chính, nghiện chất ma túy, vẫn “Ngựa quen đường cũ”. Như vậy, bị cáo là người có nhân thân rất xấu và phải tiếp tục đứng trước vành móng ngựa chịu sự trừng phạt của pháp luật là điều tất yếu.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả; đầu thú; bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điểm x Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, trên cơ sở hành vi phạm tội, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt trong khung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Song, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời, để cai nghiện cho bị cáo cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu

đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, con còn nhỏ và bản thân bị cáo nghiện chất ma túy nên khó có điều kiện thi hành án. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng như đơn đề nghị chị Lưu Thị L thì chị mất trộm tổng số tiền là 10.700.000đ, nhưng bị cáo thừa nhận chỉ có lấy trộm là 8.700.000đ. Chị L không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là chị bị mất trộm 10.700.000đ nên chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị với tổng số tiền là 8.700.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của chị L. Do vậy, bị cáo Trần Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại tổng số tiền mà bị cáo đã trộm cắp của cả chị L và chị H do bị cáo gây ra. Ngoài ra, cần trả lại cho chị H gồm 01 chiếc máy tính bảng, 350.000VNĐ và 04 tờ tiền ngoại tệ.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp được 11.000.000VNĐ để khắc phục hậu quả có sự tác động của bị cáo. Số tiền này tiếp tục giữ lại để trả cho những người bị hại và thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 con dao nhọn, cán dao bằng nhựa màu trắng dài 15cm, phần lưỡi dao dài 27cm. Bị cáo T dùng làm công cụ phạm tội. Tuy nhiên, con dao đó là của gia đình bị hại Lưu Thị L cần trả lại cho chị L được quyền quản lý và sử dụng.

Đối với chiếc xe máy màu xanh, đen, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 27U1 - 07166, bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội, là tài sản của ông Trần Ngọc Thu, bị cáo T đã tự ý lấy xe máy đi, ông Thu không biết. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã làm rõ, không liên quan nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với Trần Anh Tu, Đào Trọng N cùng đi chơi với bị cáo Trần Ngọc T, quá trình điều tra đã làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cơ quan CSĐT công an huyện Đ không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Ngọc T** (Tên gọi khác: Không) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 17/3/2017).

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Trả lại cho chị Lưu Thị L, sinh năm 1987, chỗ ở hiện nay: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên: 01 con dao nhọn, cán dao bằng nhựa màu trắng dài 15cm, phần lưỡi dao dài 27cm.

+ Trả lại cho chị Vi Thị H, sinh năm 1988, chỗ ở hiện nay: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên: 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy Tab 3 màu đen; 350.000VNĐ và 04 tờ tiền ngoại tệ (04 USD, 05 AUD và 5000 LAK).

Vật chứng đã được Công an huyện Đ đã bàn giao sang chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ theo Biên bản giao, nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 06/6/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại như sau:

- Bồi thường cho chị Lưu Thị L, sinh năm 1987, chỗ ở hiện nay: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với tổng số tiền là: 8.700.000đVNĐ (Tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Bồi thường cho chị Vi Thị H, sinh năm 1988, chỗ ở hiện nay: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với tổng số tiền là 350.000VNĐ (Ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Tiếp tục giữ số tiền 11.000.000VNĐ (Mười một triệu đồng chẵn) do bị cáo khắc phục hậu quả để trả lại cho những người bị hại và để thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6; điểm a, c, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 452.500đ (Bốn trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2017); người có nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2017). Riêng người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ ;
- Nhà tạm giữ C.A huyện ĐBĐ;
- THADS huyện Đ ;
- Phòng NVHS CA Đ ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Những người có nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lương Tiến Phương